

ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG: KHẮC PHỤC NHỮNG ĐIỂM YẾU SAU ĐỢT KIỂM ĐỊNH NĂM 2006

Ban Đảm bảo chất lượng

Sau đợt Kiểm định chất lượng năm 2006, cùng với báo cáo Tự đánh giá, báo cáo Đánh giá ngoài, trường ĐHDL Văn Lang đã triển khai kế hoạch phát huy những mặt mạnh, khắc phục những tồn tại. Trong báo cáo này, chủ yếu chúng tôi nêu những kết quả khắc phục những tồn tại đã được nhận thức rõ. Kết quả đó có thể tóm tắt trong một số điểm chính. Bài viết này nhắc lại những điểm yếu trong báo cáo Đánh giá ngoài năm 2006 và những hoạt động của trường từ năm 2006 đến 2009 để khắc phục những điểm này. Đúng tinh thần kiểm định, các hoạt động của trường được đề cập đến ở đây đều có minh chứng (Danh mục minh chứng kèm theo).

1. Việc quán triệt nhận thức về sứ mạng và mục tiêu của trường đối với các giảng viên mời giảng và với sinh viên vẫn còn hạn chế do đặc thù hoạt động của trường dân lập.

Từ năm 2007, trường đã cập nhật sứ mạng của trường lên website. Từ năm 2008, trường đã đưa sứ mạng vào nội dung Cẩm nang (trước đây gọi là Sổ tay sinh viên học sinh). Đây là cuốn sách dành cho không chỉ học sinh, sinh viên mà cho cả giảng viên, cán bộ, nhân viên của trường, được

tái bản hằng năm, có cập nhật thông tin. [#1.1-10]

2. Trường ĐHDL Văn Lang còn chưa xây dựng được kế hoạch chiến lược và tầm nhìn phát triển dài hạn.

Năm 2007 trường đã lập Kế hoạch chiến lược (KHCL) 2007-2015, tầm nhìn đến 2020. [#1.1-11]. Tiểu ban xây dựng KHCL bao gồm đại diện HĐQT, BGH, lãnh đạo các đơn vị, đại diện giảng viên của trường.

3. Tài liệu tham khảo của các ngành học còn ít. Việc điều chỉnh và cập nhật chương trình đào tạo còn chưa thường xuyên và đồng đều giữa các khoa. Việc thu thập ý kiến của giới tuyển dụng, cựu sinh viên, người học, ... để điều chỉnh chương trình đào tạo cũng chưa thường xuyên và chưa đồng đều giữa các khoa.

Tăng cường bổ sung tài liệu tham khảo cho Thư viện, xây dựng trang Thư viện trực tuyến trên website nhằm giúp người sử dụng khai thác tài nguyên của Thư viện, đồng thời cung cấp cho Thư viện nhu cầu về tài liệu để cập nhật thích hợp. Xin xem bảng dưới đây về số lượng tài liệu tăng lên trong 3 năm qua. [#9.1-08]

Thống kê số lượng tài liệu tăng hàng năm tại Thư viện từ năm học 2006-2007

Năm học	Khoa học cơ bản	Công nghệ Thông tin	Nhiệt Lạnh	Xây dựng	Kiến trúc	Sinh học	Tài chính Ngân hàng	Kế toán Kiểm toán	Thương mại	Du lịch	Ngoại ngữ	QHCC	Môi trường	Mỹ thuật CN	Khác	Tổng số đầu sách	Tổng số bản sách
2006-2007	155	319	52	76	107	56	78	106	532	136	575	127	78	210	243	1239	1764
2007-2008	265	955	61	109	132	74	242	172	640	146	622	188	86	226	337	1601	3214
2008-2009	695	1019	74	126	269	149	525	295	940	166	749	305	119	317	547	2404	5163
Tỷ lệ tăng (%)	448.4	319.4	142.3	165.8	251.4	266.1	673.1	278.3	176.7	122.1	130.3	240.2	152.6	151.0	225.1	194.0	292.7

(Bảng Thống kê lập theo ngành đào tạo, bắt đầu từ số lượng sách đã bổ sung trong năm học 2006-2007, số lượng sách đã có trong thư viện từ năm học 2005-2006 trở về trước không nằm trong bảng thống kê này)

Nhận thấy việc bổ sung tài liệu một cách chung chung không theo sát nhu cầu của từng ngành đào tạo, không làm tăng chất lượng phục vụ của Thư viện, từ năm học 2006-2007, Thư viện đã rà soát lại nhu cầu tài liệu trên cơ sở tổng hợp các đề cương chi tiết từng học phần của từng giảng viên, và tiến hành bổ sung theo đúng nhu cầu. Bảng thống kê cho thấy tỷ lệ bổ sung các tài liệu phù hợp với từng ngành đào tạo, từng học phần cụ thể, số lượng sách tăng giảm có sự phân biệt rõ theo đặc điểm của ngành đào tạo đó, ví dụ: Ngành Nhiệt lạnh tăng chậm do mới mở lại ngành, năm học 2007-

2008 có khóa đầu tiên, số lượng học phần rất ít; ngành Công nghệ Thông tin thay đổi chương trình đào tạo từ năm học 2007-2008, số lượng sách chuyên ngành tăng mạnh.

Với quy trình bổ sung hợp lý và chặt chẽ, Thư viện từng năm một nâng cao khả năng đáp ứng về tài liệu giảng dạy - học tập cho giảng viên và sinh viên. Những tài liệu bổ sung thường niên được thống kê trong cột “Khác” cho thấy bên cạnh việc bổ sung tài liệu cho từng ngành đào tạo, Thư viện vẫn quan tâm bổ sung theo yêu cầu tham khảo chung.

Bên cạnh đó có nguồn học liệu được tích lũy trên hệ thống Mạng nội bộ của trường. Đây cũng là một nguồn học liệu có chất lượng, được cập nhật thường xuyên, phục vụ tích cực cho việc dạy - học tại trường.

Thống kê số lượng tài liệu (dạng file) tăng hằng năm theo từng ngành đào tạo

	2006-2007	2007-2008	2008-2009	Tổng files tài liệu hiện có	Tỷ lệ tăng trong NH 08-09
Khoa học cơ bản	72	101	65	238	27.3%
Công nghệ Thông tin	13	32	286	331	86.4%
Nhiệt Lạnh	0	0	0	0	
Xây dựng	1	1	0	2	0.0%
Kiến trúc	9	0	13	22	59.1%
Công nghệ Sinh học	49	34	0	83	0.0%
CN&QL Môi trường	170	77	35	282	12.4%
Tài chính Ngân hàng	50	1	8	59	13.6%
Kế toán Kiểm toán	0	0	8	8	100.0%
Thương mại	22	37	35	94	37.2%
Du lịch	5	3	7	15	46.7%
Ngoại ngữ	12	16	0	28	0.0%
Quan hệ CC&TT			1	1	100.0%
Quản trị Kinh doanh	16	1	79	96	82.3%
Mỹ thuật Công nghiệp			1	1	100.0%
Trung cấp CN	2	0	0	2	0.0%
Tổng	421	303	538	1262	42.6%

Chương trình đào tạo được cập nhật thường xuyên, mỗi năm một lần: Trường xây dựng chương trình đào tạo với mục tiêu gắn kết với thị trường lao động. Mời các chuyên gia đến giảng dạy tại trường, tham gia Hội đồng Khoa học và đào tạo (KH&ĐT)...để tăng cường tính gắn kết giữa việc giảng dạy trong nhà trường với thị trường lao động. Hằng năm, Hội đồng KH&ĐT khoa đều xem xét và rà soát chương trình để điều

chỉnh, bổ sung, cập nhật nội dung môn học. [#3.3-07; #3.3-08]

Riêng với ngành Tin học, Trường đã nhận chuyển giao chương trình đào tạo từ Đại học Carnegie Mellon (Hoa Kỳ) và bắt đầu đào tạo theo chương trình mới từ năm 2008. [#8.2-12]

Xin xem bảng tóm tắt quá trình thực hiện trong 3 năm qua (từ năm học 2006-2007).

Bảng liệt kê những lần rà soát Chương trình đào tạo

STT	Ngành học	Năm học			Ghi chú
		2007-2008	2008-2009	2009-2010	
1	Tin học		10/6/2008		
2	Xây dựng		14/11/2008		
3	Kiến trúc		18/7/2008		
4	Công nghệ & Quản lý môi trường	5/1/2007; 11/5/2007	14/10/2008	31/8/2009	
5	Công nghệ Sinh học	22/7/2007	23/7/2008	19/1/2009	
6	Tài chính-Ngân hàng	29/6/2007	27/2/2008		
7	Kế toán	30/7/2007	30/5/2008		
8	Quản trị Kinh doanh	7/2/2007	16/1/2008	15/10/2009	
9	Thương mại	20/4/2007	02/8/2008	21/2/2009	
10	Du lịch	18/7/2007	18/3/2009	15/8/2009	
11	Quan hệ Công chúng	5/6/2007	6/5/2008	4/5/2009; 18/8/2009	
12	Ngoại Ngữ		15/12/2008		
13	Mỹ thuật Công nghiệp	28/4/2007; 1/7/2007	30/5/2008	24/9/2009	

Việc lấy ý kiến nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, người học về chương trình đào tạo: Trường nhận thức được rõ ràng việc lấy ý kiến các bên liên quan là việc làm khó khăn, tốn thời gian, công sức và có tính lâu dài.

Trong 3 năm qua, việc thăm dò đã tăng lên đáng kể ở một số ngành [#3.2-08; #3.2-09; #3.2-10]. Kế hoạch thăm dò ý kiến trước tiên sẽ tập trung thí điểm ở một vài ngành, sau đó sẽ tiến hành cho tất cả các ngành trong trường. Đối với việc lấy ý kiến người học, trường đã đưa vào kế hoạch khảo sát từng học kỳ, đã xây dựng thành quy trình cụ thể để khảo sát về nội dung giảng dạy của môn học, về phương pháp kiểm tra đánh giá, về phương pháp giảng dạy của giảng viên... [#4.3-10]. Qua đó trường sẽ xem xét lại những môn học nào cần điều chỉnh cho phù hợp.

4. Trường ĐHDL Văn Lang chưa tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ.

Trường tiếp tục các bước tích cực chuẩn bị chuyển sang đào tạo theo học chế tín chỉ. Đã xác định mục tiêu cơ bản cần đạt được với điều kiện cụ thể của trường là thay đổi cách học của người học. Đã xác định khâu then chốt cần chuẩn bị là đội ngũ giảng viên. Chỉ có thể đào tạo theo tín chỉ tốt nếu giảng viên thông suốt về nhận thức, thành thạo về kỹ năng và đầu tư đúng mức cho khâu soạn đề cương chi tiết, thiết kế cách dạy học thực sự lấy người học làm trung tâm, đồng thời, giảng viên phải thay đổi cơ bản kỹ năng đánh giá trong quá trình dạy học. Trong quá trình chuẩn bị, trường đã chọn 3 khoa có đầy đủ điều kiện để đội ngũ giảng viên cơ hữu chuẩn bị bài theo cách dạy mới và sẽ thí điểm trong năm 2010. Sau đó, sẽ rút kinh nghiệm để xây dựng cho các khoa khác. Những công

đoạn khác của đào tạo theo tín chỉ như xây dựng các môn học tự chọn phong phú cho mỗi ngành học, cho người học tự thiết kế quá trình học tập,... sẽ chỉ làm sau khi đã làm tốt khâu chuẩn bị của giảng viên. Hiện nay, các Khoa Công nghệ và Quản lý Môi trường, Kế toán - Kiểm toán và Thương mại đã xong khâu xây dựng lại Chương trình đào tạo, giảng viên đã xây dựng xong đề cương chi tiết [#3.1-10; #3.1-11] và đang tiến hành xây dựng các ngân hàng câu hỏi cho từng môn học [# 4.4-07].

Các điều kiện khác cho đào tạo theo tín chỉ như thư viện số [#9.1-08], chương

trình phần mềm quản lý đào tạo đã và đang được hoàn thiện. [#4.2-07]

5. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường ĐHDL Văn Lang còn thiếu nhiều so với nhu cầu, một số khoa số lượng giảng viên cơ hữu chiếm tỷ lệ rất thấp.

Trong 3 năm qua, trường đã tiếp tục tuyển thêm nhiều giảng viên cơ hữu, kết quả là đã đưa tỷ lệ giờ giảng dạy của giảng viên cơ hữu từ 33% năm 2006 lên 42% năm 2009. Một số Khoa đã có số giảng viên tăng đáng kể, như Khoa Mỹ thuật công nghiệp, Bộ môn Anh văn, Bộ môn Toán [#5.1-08], xin xem Bảng số liệu về đội ngũ giảng viên.

Bảng số liệu về đội ngũ giảng viên

KHOA/BAN/BỘ MÔN	NĂM HỌC			
	2005-2006 (TĐG)	2006-2007	2007-2008	2008-2009
Tổng số:	131	175	212	248
Tổng số chia ra				
1. Khoa Công nghệ thông tin	10	17	21	20
2. Khoa Kỹ thuật nhiệt lạnh	6	6	3	2
3. Khoa Kiến trúc xây dựng	16	18	20	21
4. Khoa CN&QL môi trường	7	9	11	12
5. Khoa Công nghệ sinh học	6	7	8	9
6. Khoa Tài chính kế toán	13	15	17	20
7. Khoa Quản trị kinh doanh	9	10	11	11
8. Khoa Thương mại	8	11	11	11
9. Khoa Du lịch	8	10	13	11
10. Khoa Ngoại ngữ	8	8	9	10
11. Khoa Mỹ thuật công nghiệp	6	9	11	18
12. Khoa QHCC & Truyền thông	0	5	6	5
13. Ban Khoa học cơ bản	12	18	41	66
Bộ môn Anh văn	0	0	15	24
Bộ môn Tin học (tên cũ là Trung tâm tin học)	12	13	14	12
Bộ môn toán	4	5	6	10
Các Bộ môn khác	8	13	20	20
14. Ban Trung cấp chuyên nghiệp	16	20	23	27
15. Trung tâm ngoại ngữ	6	12	7	5

6. Số đề tài / công trình khoa học và số bài báo do Cán bộ giảng dạy cơ hữu của Trường ĐHDL Văn Lang công bố còn ít. Liên kết hoạt động khoa học

công nghệ của Trường ĐHDL Văn Lang với các viện và các trường đại học khác còn nhiều hạn chế.

Bảng số liệu về số lượng bài báo và công trình NCKH từ năm 2006 đến 2009
[#7.2-06; #7.3-04]

STT	Loại hình	Năm				
		2006	2007	2008	2009	Đang thực hiện
1	Số lượng đề tài/công trình NCKH	11	12	16	2	10
2	Số lượng bài báo được đăng	11	24	35	14	

7. Hoạt động hợp tác quốc tế của Trường ĐHDL Văn Lang chưa đồng đều giữa các khoa, số cán bộ có khả năng làm việc trực tiếp với đối tác nước ngoài còn hạn chế.

[#8.2-14]. Trường cũng đã tổ chức cho 14 giảng viên Bộ môn Anh văn đi tu nghiệp ở Thái Lan trong 4 tuần năm 2008. [#8.2-15]

Trong 3 năm qua, hoạt động hợp tác quốc tế của trường tiếp tục đi theo hướng thiết thực và hiệu quả. Chương trình đào tạo của Khoa Du lịch đã được Trường Đại học Perpignan (Pháp) công nhận và đồng ý cấp bằng đôi cho sinh viên do Văn Lang đào tạo, có đăng ký học chương trình này. [#8.2-11]. Năm 2008, trường đã ký Hợp đồng hợp tác dưới hình thức nhận chuyển nhượng 2 Chương trình đào tạo Công nghệ phần mềm và Hệ thống thông tin của Đại học Carnegie Mellon, Hoa Kỳ. [#8.2-12]. Trong 2 năm 2008 và 2009 đã có 12 lượt giảng viên Công nghệ thông tin được đi tu nghiệp 14 tuần ở ĐH Carnegie Mellon. [#8.2-13]

8. Thư viện của Trường ĐHDL Văn Lang chưa được kết nối với hệ thống thư viện trong nước và quốc tế. Trường ĐHDL Văn Lang chưa có ký túc xá và chưa có đủ sân, bãi thể thao phục vụ cho sinh viên. Ngành Xây dựng của Trường ĐHDL Văn Lang chưa có phòng thí nghiệm, thực hành.

Khoa Mỹ thuật công nghiệp có quan hệ hợp tác với Trường ĐH Kỹ thuật điện tử Quế Lâm, Trung Quốc, đã gửi 1 giảng viên đi học Thạc sĩ.

Thư viện được tổ chức lại, theo hướng kết nối với mạng lưới chung của các trường đại học toàn quốc và quốc tế. Trường đã được công nhận là một đầu mối trong mạng VINAREN thuộc Bộ Khoa học & Công nghệ từ năm 2008 [#9.1-09], trang bị mới thêm máy chủ, máy tính và nâng cấp hệ thống mạng máy tính đáp ứng tốt nhu cầu học tập, nghiên cứu và giảng dạy. [9.4-06]

Năm 2008, trường đã xây dựng sân tập bóng rổ tại Cơ sở 2, đã trang

bị nhiều bàn bóng, đưa môn Cờ Vua và Cờ Tướng vào chương trình chính khóa môn Giáo dục thể chất, phù hợp với điều kiện chưa có sân bãi tập thể thao. [#9.5-03; #9.5-04]

Trường đã đầu tư trên 300 triệu đồng tăng cường trang bị cho Phòng thí nghiệm Công nghệ sinh học [#9.2-11], trên 400 triệu đồng trang bị cho Khoa Mỹ thuật công nghiệp,

trên 800 triệu đồng trang bị máy in kỹ thuật số cho Trung tâm Thông tin, Khoa Mỹ thuật công nghiệp và Khoa Quan hệ công chúng & Truyền thông. [9.2-12]

Năm 2009, trường đã đầu tư 1,6 tỷ đồng thay mới hoàn toàn bàn ghế của 26 phòng học ở Cơ sở 1 và toàn bộ 340 bàn vẽ của họa thất Khoa Kiến trúc - Xây dựng. [#9.6-06]./.

Ban Đảm bảo chất lượng

Công nhận trường ĐHDL Văn Lang đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng

Ngày 5/2/2009 Hội đồng quốc gia kiểm định chất lượng giáo dục (HĐQG KĐCLGD) thông báo (tại văn bản số 115/ TB-BGDĐT) đã thẩm định kết quả kiểm định chất lượng giáo dục của 20 trường đại học đầu tiên trong cả nước. Hội đồng đã công nhận và đề nghị Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận Trường ĐHDL Văn Lang đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Đây là hoạt động kiểm định chất lượng đầu tiên đối với hệ thống Đại học ở Việt Nam, được thực hiện với sự tham gia trực tiếp của chuyên gia kiểm định nước ngoài. Kết luận trường ĐHDL Văn Lang đạt tiêu chuẩn chất lượng được đưa ra trên cơ sở công nhận những điểm mạnh, yếu của nhà trường và những kiến nghị nâng cao chất lượng. 9 điểm mạnh của nhà trường được thống kê trong văn bản này là: sứ mạng, mục tiêu, chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, đội ngũ giảng viên, công tác chăm lo cho người học, hoạt động khoa học công nghệ, hoạt động hợp tác quốc tế, hệ thống cơ sở vật chất và mạng máy tính. Theo Kết luận của HĐQG KĐCLGD, trường ĐHDL Văn Lang cần tiếp tục một số biện pháp nhằm nâng cao chất lượng, đạt đến những cấp độ cao hơn của Kiểm định chất lượng. Ví dụ: “Nhà trường cần mạnh dạn xây dựng nguồn vốn quy mô lớn để phát triển nhà trường trong hoàn cảnh mới.”; “Sớm đầu tư xây dựng sân bãi thể thao, Ký túc xá cho sinh viên”...

(www.vanlanguni.edu.vn, ngày 02/03/2009)

Danh mục minh chứng
(Minh chứng được liệt kê theo trình tự xuất hiện trong báo cáo)

- [#1.1-10]:** Sổ tay sinh viên học sinh năm học 2006-2007, 2007-2008
Cẩm nang dành cho sinh viên học sinh nhập học khóa 2008, 2009
- [#1.1-11]:** Kế hoạch chiến lược 2007-2015 và tầm nhìn đến năm 2020
- [#9.1-08]:** Thống kê số lượng tài liệu tăng hàng năm tại Thư viện từ năm 2006-2009
Thống kê số lượng tài liệu trên mạng nội bộ năm học 06-07, 07-08, 08-09
- [#3.3-07]:** Biên bản họp Hội đồng KH&ĐT khoa năm 2007, 2008, 2009
- [#3.3-08]:** Biên bản họp chuẩn bị năm học mới / học kỳ mới
- [#3.2-08]:** Hồ sơ khảo sát cựu sinh viên khoa Thương mại tháng 8/2009
- [#3.2-09]:** Hồ sơ khảo sát các Doanh nghiệp của khoa Thương mại tháng 10/2009
- [#3.2-10]:** Hội thảo với Doanh nghiệp (ngành DL 18/3/2009; ngành KT,NH 11/1/2008)
- [#4.3-10]:** Hồ sơ khảo sát người học về đánh giá kết quả giảng dạy của giảng viên năm học 2006-2007, 2007-2008, 2008-2009
- [#3.1-10]:** Chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ (Khoa KTKT, TM, CN&QLMT)
- [#3.1-11]:** Danh mục đề cương chi tiết các môn học
- [#4.4-07]:** Xây dựng ngân hàng câu hỏi cho từng môn học
- [#9.1-08]:** Mô tả thư viện số trường ĐHDL Văn Lang
(<http://thuvien.vanlanguni.edu.vn/trangchu.aspx>)
- [#4.2-07]:** Hợp đồng cung cấp phần mềm ứng dụng số 075/HĐ/2008 ngày 30/6/2008
Hợp đồng cung cấp bảo trì phần mềm Edusoft số 086/HĐKT_NCS_EDU 2007 ngày 23/1/2008
- [#5.1-08]:** Danh sách GVCH năm học 2006-2007, 2007-2008, 2008-2009
- [#7.2-06]:** Danh sách đề tài NCKH từ năm 2006 đến 2009
- [#7.3-04]:** Danh sách bài báo được đăng từ năm 2006 đến 2009
- [#8.2-11]:** Hợp đồng liên kết đào tạo văn bằng đôi giữa ĐH Perpignon (Pháp) và VLU
- [#8.2-12]:** Hợp đồng ký kết giữa ĐH Carnegie Mellon và SEGVN
Giấy chứng nhận chuyển giao CTĐT do Bộ KH&CN cấp
- [#8.2-13]:** Quyết định cử giảng viên đi học tập tại ĐH Carnegie Mellon (kèm DS)
- [#8.2-14]:** Thư thông báo cấp học bổng của ĐH Kỹ thuật Điện tử Quế Lâm (kèm QĐ)
- [#8.2-15]:** Hợp đồng đào tạo với ĐH Webster (Mỹ) - Thái Lan
- [#9.1-09]:** Quyết định công nhận VLU là thành viên của mạng VINAREN năm 2008
- [#9.4-06]:** Danh mục máy chủ, máy tính, thiết bị mạng trang bị mới từ năm 2006-2009
- [#9.5-03]:** Danh mục các môn GDTC tự chọn và thời khóa biểu học GDTC HKII/08-09
- [#9.5-04]:** Hình ảnh sinh viên khóa 14 học GDTC và tham gia thi đấu tranh giải
- [#9.2-11]:** Danh mục máy móc và thiết bị trang bị phòng thí nghiệm từ năm 2006-2009
- [#9.2-12]:** Danh mục máy móc và thiết bị trang bị phòng thực hành khoa MTCN, khoa QHCC&TT, TTTT từ năm 2006-2009
- [#9.6-06]:** Danh mục bàn ghế mới trang bị các phòng học tại CS1 năm học 2008-2009
Danh mục bàn vẽ mới trang bị phòng họa thất tại Cơ sở 1 năm học 2008-2009